

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	<b>CỬ NHÂN KINH DOANH QUỐC TẾ</b> /BACHELOR OF INTERNATIONAL BUSINESS  ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	<b>KINH DOANH QUỐC TẾ</b> /INTERNATIONAL BUSINESS
MÃ NGÀNH/CODE:	<b>7340120</b>
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

### 1. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp kinh doanh quốc tế trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; về quản trị kinh doanh quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế thành thạo về tiếng Anh và có kỹ năng tổ chức các hoạt động kinh doanh quốc tế như: quản trị thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế và mạng sản xuất toàn cầu tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc kinh doanh quốc tế; có cơ hội tiếp tục học tập nghiên cứu ở các bậc đào tạo cao hơn.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:** đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp cử nhân quản trị kinh doanh quốc tế, sinh viên có thể đảm nhiệm các vị trí:

Cán bộ kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc điều hành kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp quốc tế, liên doanh và các tổng công ty, các tập đoàn đa và xuyên quốc gia;

Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về quản trị kinh doanh quốc tế tại các viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo;

Các cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh;

Các tổ chức phi lợi nhuận quốc tế, tổ chức phi chính phủ quốc tế; các cơ quan quản lý và hoạch định chính sách kinh doanh quốc tế, các đơn vị nghiên cứu và giảng dạy kinh doanh quốc tế, tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh quốc tế.

Cán bộ đối ngoại của các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các bộ ngành trung ương và các địa phương.

**- Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

## 2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
<b>Chuẩn đầu ra về kiến thức</b>	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn.	CDR 1
	Vận dụng các kiến thức cơ bản về toán kinh tế, pháp luật, kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, quản trị kinh doanh, thống kê, hệ thống thông tin quản lý và marketing để khám phá, giải thích và dự đoán hoạt động kinh doanh.	CDR 2
	Hoàn thành các kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về tinh thần và thể chất.	CDR 3
	Nhận biết được những điểm khác biệt cơ bản trong tổ chức kinh doanh ở thị trường trong nước và thị trường nước ngoài	CDR 4
	Nắm bắt các đặc điểm và xu thế vận động trong các lĩnh vực kinh doanh quốc tế bao gồm các xu thế vận động về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế	CDR 5
	Sử dụng được kiến thức và kinh nghiệm để tham gia, giải quyết và vận hành việc quản trị kinh doanh quốc tế	CDR 6

<b>CĐR</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mã CĐR</b>
	Thực hành nghiên cứu, lựa chọn thị trường, nhận dạng và so sánh các phương án trong việc triển khai các hoạt động kinh doanh quốc tế	CĐR 7
	Đánh giá, dự đoán được các nhân tố tác động và đưa ra các gợi ý, ưu tiên trong việc ra quyết định và tổ chức các hoạt động kinh doanh quốc tế	CĐR 8
<b>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</b>	Thực hành các phương pháp và kỹ thuật để thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin kinh doanh trong giải quyết các vấn đề kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng	CĐR 9
	Xác định, phối hợp và thực hành các kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, tổng hợp kinh nghiệm, thuyết trình trong các tình huống kinh doanh và kinh doanh quốc tế	CĐR 10
<b>CĐR Ngoại ngữ</b>	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 11
<b>CĐR Tin học</b>	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ ICDL) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 12
<b>Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>	Sinh viên có năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.	CĐR 13
	Sinh viên hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân, từ đó tự chịu trách nhiệm và áp dụng trong quản trị kinh doanh và cuộc sống cá nhân.	CĐR 14

### **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 132 tín chỉ**

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

### **7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

#### **7.1. Cấu trúc cơ bản**

**Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT**

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>88</b>	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	<b>15</b>	5 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	<b>44</b>	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	29	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	<b>18</b>	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	<b>10</b>	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>132</b>	Không kể GDQP & AN và GDTC

**7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

**Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

STT	Nội dung chương trình (Ngành Kinh doanh quốc tế)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP Tiên quyết
	<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>44</b>		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>			<b>20</b>		
<b>1</b>	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
<b>2</b>	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
<b>3</b>	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
<b>4</b>	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
<b>5</b>	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	

STT	Nội dung chương trình (Ngành Kinh doanh quốc tế)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP Tiên quyết
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
	<b>1.2. Các học phần của Trường</b>			<b>12</b>		
<b>7</b>	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
<b>8</b>	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
<b>9</b>	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
<b>10</b>	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	<b>1.3. Các học phần của ngành</b>			<b>12</b>		
<b>11</b>	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	TKKD1129	3	II	
<b>12</b>	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
<b>13</b>	3	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	III	
<b>14</b>	4	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	III	
	<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>88</b>		
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>15</b>		
<b>15</b>	1	Quản trị chiến lược Strategic management	QTKD1132	3	III	
<b>16</b>	2	Quản trị vận hành Operations management	QTKD1148	3	III	
<b>17</b>	3	Quản trị nhân lực Human resource management	NLQT1103	3	III	
<b>17</b>	4	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC1102	3	IV	
<b>18</b>	5	Quản trị Marketing Marketing management	MKMA1110	3	IV	
	<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>45</b>		
	<b>2.2.1 Các học phần bắt buộc</b>			<b>30</b>		
<b>19</b>	1	Kinh doanh quốc tế I International Business I	TMKD1115	3	III	

STT	Nội dung chương trình (Ngành Kinh doanh quốc tế)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP Tiên quyết
20	2	Kinh doanh quốc tế II International business II	TMKD1108	3	IV	
21	3	Quản trị quốc tế International Management	TMKD1132	3	IV	
22	4	Chiến lược kinh doanh toàn cầu Global Business Strategy	TMKD1117	3	IV	
23	5	Quản trị kinh doanh thương mại Commercial Business Management	TMKT1143	3	IV	
24	6	Quản trị tài chính quốc tế International Finance Management	NHQT1116	3	V	
25	7	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế International Supply Chain Management	TMKD1123	3	V	
26	8	Quản trị doanh nghiệp có vốn FDI 1 Foreign Direct Investment Project and Joint Venture Management 1	TMKD1118	3	V	
27	9	Nghiệp vụ Ngoại thương 1 Foreign Trade Practice 1	TMKD1120	3	V	
28	10	Đề án ngành Kinh doanh quốc tế Major Research Paper in International Business	TMKD1130	3	VI	
		<b>2.2.2 Các học phần tự chọn</b> (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)		<b>15</b>		
29 30 31 32 33	1	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	TMKQ1107	3	V	
	2	Pháp luật kinh doanh quốc tế International Business Law	LUKD1164	3	V	
	3	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT1116	3	VI	
	4	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế và kinh doanh quốc tế English for International Economics and Business	TMKQ1105	3	VI	
	5	Thương mại điện tử E-commerce	TMQT1125	3	VI	
	6	Quản trị nhân lực quốc tế International Human Resource Management	NLQT1112	3	V	
	7	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	V	
	8	Kế toán quốc tế International Accounting	KTKE1108	3	VI	
	9	Ngân hàng thương mại Commercial Banking	NHTM1121	3	VI	
		<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b> (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)		<b>18</b>		
	1	Quản trị doanh nghiệp có vốn FDI 2	TMKD1112	3	VI	

STT	Nội dung chương trình (Ngành Kinh doanh quốc tế)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP Tiên quyết
34 35 36 37 38 39	Foreign Direct Investment Project and Joint Venture Management 2				
	2 Nghiệp vụ ngoại thương 2 Foreign Trade Practice 2	TMKD1121	3	VI	
	3 Đấu thầu Procurement	DTKT1133	3	VII	
	4 Marketing quốc tế International Marketing	MKMA1108	3	VII	
	5 Thuế quốc tế International Taxation	NHCO1113	3	VII	
	6 Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế Payment and Credit in International Trade	NHQT1118	3	VII	
	7 Kinh doanh dịch vụ quốc tế International Business Service	TMKD1127	3	VII	
	8 Nghiệp vụ hải quan Custom Practices	TMQT1124	3	VII	
	9 Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế Transportation & Freight Forwarding in International Trade	TMQT1134	3	VII	
40	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b> <i>Graduation Thesis</i>	TMKD1133	10	VIII	
	<b>Tổng số tín chỉ</b>		132		

## 8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**VIỆN TRƯỞNG**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Tạ Văn Lợi**

**PGS.TS Phạm Hồng Chương**